

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2021
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ
2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tòng Văn T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Bản L, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị X, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Bản L, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tòng Văn T trình bày như sau:

Anh và chị Hoàng Thị X kết hôn với nhau từ năm 2009 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 14/07/2009 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không tin tưởng nhau về tình cảm, thường xuyên ghen tuông. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ ngày 14/4/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay anh xác

định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh T, chị X có 02 con chung là Tòng Duy K, sinh ngày 15/02/2012 và Tòng Thị V, sinh ngày 20/11/2008. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 06/10/2021 anh T có nguyện vọng sau khi ly hôn được nhận nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Nhưng đến ngày 08/10/2021 anh T thay đổi yêu cầu chấp nhận ý kiến của chị X về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung. Giao cháu Tòng Thị V cho chị X nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và anh có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Tòng Duy K đến khi trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh T xác nhận, trong thời kỳ hôn nhân, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt chị Hoàng Thị X trình bày:

Chị và anh T kết hôn với nhau từ năm 2009 do cả hai cùng tự nguyện tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh T có gửi đơn ra Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn. Anh chị có hai con chung là Tòng Duy K, sinh ngày 15/02/2012 và Tòng Thị V, sinh ngày 20/11/2008, chị có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến khi trưởng thành và giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án, tuy nhiên do chị đang làm công nhân ở công ty bao bì xi nghiệp Nam Sơn huyện An Dương, tỉnh Hải Phòng, tình hình dịch bệnh phức tạp không thể lên làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh T, chị X. Qua xác minh xác định: Anh T, chị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn theo quy định và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Trong thời gian chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, chưa biết chia sẻ cảm thông cho nhau, hai bên gia đình cũng có nhờ địa phương hòa giải cho nhưng không thành. Cả hai vợ chồng đều thống nhất muốn ly hôn với nhau và sống ly thân với nhau cũng đã lâu. Hiện chị X đang đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương nhưng chị X vẫn có hộ khẩu thường trú tại bản L, xã Hát Lót. Anh chị có hai con chung là cháu K và V. Từ năm 2019 chị X đưa cháu V về sống với bố mẹ để còn anh T nuôi dưỡng cháu K. Anh T chị X hiện đều ở cùng bố mẹ để không có tài sản riêng gì. Không thấy có ai phản ánh về việc anh chị có khoản nợ nào.

Do nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng: Về hôn nhân cho ly hôn giữa anh Tòng Văn T và chị Hoàng Thị X. Về con chung: Giao cháu Tòng Duy K, sinh ngày 15/02/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao cháu Tòng Thị V, sinh ngày 20/11/2008 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có. Về án phí: Anh Tòng Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của anh Tòng Văn T yêu cầu xin ly hôn đối với chị Hoàng Thị X, nơi cư trú: Bản L, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 17/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2021 với quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Tòng Văn T và chị Hoàng Thị X tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2009, anh chị đã được UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 14/7/2009. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống không hòa thuận, hạnh phúc do không tin tưởng nhau về tình cảm, chưa thực sự thấu hiểu và cảm thông cho nhau khi xảy ra mâu thuẫn. Anh chị có thời gian sống ly thân trước khi có đơn xin ly hôn tại Tòa án. Cả anh T và chị X đều xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, không ai quan tâm đến ai và thống nhất ly hôn. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương cũng thể hiện rõ vợ chồng anh chị đã không sống cùng nhau một thời gian, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị X mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa anh Tòng Văn T và chị Hoàng Thị X.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Tòng Duy K, sinh ngày 15/02/2012 và cháu Tòng Thị V, sinh ngày 20/11/2008. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Các đương sự đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và thống nhất anh T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu K trưởng thành, chị X nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu V trưởng thành. Thời gian ly thân cháu K đã ở cùng bố và cháu V ở cùng mẹ. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và học tập cho các cháu, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, chị V. Giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu V cho chị X nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung chung nhau.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T chị X đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Qua xác minh thể hiện, chị Kim Anh và anh Bảo Anh không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] *Về án phí*: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tòng Văn T và chị Hoàng Thị X.
2. Về con chung: Giao cháu Tòng Thị V, sinh ngày 20/11/2008 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Tòng Duy K, sinh ngày 15/02/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi

trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh chị được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh chị được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh T, chị X xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Tòng Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001214 ngày 06 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Nga

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Bùi Nguyên Hồng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị La Thị Kim Anh. Sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản Nà Kéo, xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Đặng Bảo Anh. Sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản Nà Kéo, xã Chiềng Kheo, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: Số 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cầm Văn Sơn – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn, chi nhánh tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng

Áp dụng các Điều 55, Điều 60, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Việc giải quyết vụ án

2.1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị La Thị Kim Anh và anh Đặng Bảo Anh.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Anh Kiệt, sinh ngày 10/10/2011 cho anh Đặng Bảo Anh trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phượng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Khương do anh Khương không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Phượng được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Phượng và anh Khương xác nhận không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.4. Về nợ chung vợ chồng: Giao anh Đặng Bảo Anh có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Mai Sơn, chi nhánh tỉnh Sơn La số tiền gốc 40.000.000VNĐ và lãi phát sinh từ khoản vay ngày 07/01/2017 khi đến hạn thanh toán.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về án phí.

Chị La Thị Kim Anh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002172 ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh Đặng Bảo Anh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về nợ chung là 2.000.000VNĐ (Hai triệu đồng).

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**